



Flashcardo.com

Kami harap kartu flash cetak ini akan bermanfaat bagi Anda. Untuk menemukan lebih banyak produk kartu flash, kunjungi situs web kami www.flashcardo.com/id. Di Flashcardo.com kami menyediakan kartu flash online, kartu flash pengulangan berspasi, kartu flash video, dan banyak lagi. Semuanya gratis dan siap digunakan oleh para pelajar di seluruh dunia.

Hak Cipta, Catatan Lisensi

PDF ini dilindungi oleh undang-undang hak cipta dan semua hak dilindungi. Anda bebas membagikan PDF ini kepada siapa saja. Namun, Anda tidak diperbolehkan menjual PDF ini atau isinya. Jika Anda memiliki pertanyaan, silakan kunjungi www.flashcardo.com/id untuk menghubungi kami. Terima kasih!

Penafian Tanggung Jawab

PDF INI DISEDIAKAN "SEBAGAIMANA ADANYA", TANPA JAMINAN DALAM BENTUK APA PUN, BAIK TERSURAT MAUPUN TERSIRAT, TERMASUK NAMUN TIDAK TERBATAS PADA JAMINAN KELAYAKAN UNTUK DIPERDAGANGKAN, KESESUAIAN UNTUK TUJUAN TERTENTU, DAN BEBAS PELANGGARAN. DALAM KEADAAN APA PUN PENULIS ATAU PEMEGANG HAK CIPTA TIDAK BERTANGGUNG JAWAB ATAS KLAIM, KERUSAKAN, ATAU KEWAJIBAN LAIN, BAIK DALAM TINDAKAN KONTRAK, PERBUATAN MELAWAN HUKUM, ATAU HAL LAINNYA, YANG TIMBUL DARI, KELUAR DARI, ATAU BERKAITAN DENGAN PDF INI ATAU PENGGUNAAN ATAU INTERAKSI LAIN DENGAN PDF INI.

Hak Cipta © 2025 Flashcardo.com. Semua Hak Dilindungi

tôi

saya

bạn
đại từ

kamu

anh ấy

dia

cô ấy

dia

nó

dia

chúng tôi / chúng ta

kami

các bạn

kalian

họ

mereka

cái gì

apa

ai

siapa

ở đâu

dimana

tại sao

mengapa

làm sao

cái nào

lúc nào

bagaimana

yang mana

kapan

sau đó

nếu

thật sự

lalu

jika

sungguh

nhưng

bởi vì

không

tapi

karena

tidak

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

ini

Saya butuh ini

Berapa harganya?

đó
vật

itu

tất cả

semua

hoặc

atau

và

dan

biết

tahu

Tôi biết

Saya tahu

Tôi không biết

Saya tidak tahu

nghĩ

berpikir

đến

datang

đặt

meletakkan

lấy

mengambil

tìm

menemukan

nghe

mendengarkan

làm việc

bekerja

nói chuyện

berbicara

cho

memberi

thích

menyukai

giúp đỡ

membantu

yêu

mencintai

gọi

menelpon

chờ đợi

menunggu

Tôi thích bạn

Saya menyukaimu

Tôi không thích cái này

Saya tidak menyukainya

Bạn có yêu tôi không?

Apakah kamu mencintaiku?

Tôi yêu bạn

Aku mencintaimu

không

0

một

1

hai

2

ba

3

bốn

4

năm

5

sáu

6

bảy

7

tám

8

chín

9

mười

10

mười một

11

mười hai

12

mười ba

13

mười bốn

14

mười năm

15

mười sáu

16

mười bảy

17

mười tám

18

mười chín

19

hai mươi

20

mới

baru

cũ

lama

ít

sedikit

nhiều

banyak

bao nhiêu?
đại cương

berapa banyak?

bao nhiêu?
số

berapa banyak?

sai

salah

chính xác

benar

xấu

buruk

tốt

baik

hạnh phúc

senang

ngắn

pendek

dài

panjang

nhỏ

kecil

lớn
to

besar

đó
địa điểm

disana

đây

disini

phải

kanan

trái

kiri

xinh đẹp

indah

trẻ

muda

già

tua

xin chào

halo

hẹn gặp lại

sampai jumpa

được

oke

bảo trọng nhé

jaga diri

đừng lo

jangan khawatir

tất nhiên

tentu saja

chúc ngày tốt lành

selamat siang

chào

hai

bái bai

selamat jalan

tạm biệt

selamat tinggal

xin làm phiền

permisi

xin lỗi

maaf

cảm ơn bạn

terima kasih

làm ơn

silahkan

Tôi muốn cái này

Saya mau ini

bây giờ

sekarang

buổi chiều

sore

buổi sáng
9:00-11:00

pagi

ban đêm

malam

buổi sáng
6:00-9:00

pagi

buổi tối

petang

buổi trưa

tengah hari

nửa đêm

tengah malam

giờ

jam

phút

menit

giây

detik

ngày

hari

tuần

minggu

tháng

năm

thời gian

bulan

tahun

waktu

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

tanggal

kemarin lusa

kemarin

hôm nay

ngày mai

ngày kia

hari ini

besok

besok lusa

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

Senin

Selasa

Rabu

thứ năm

Kamis

thứ sáu

Jumat

thứ bảy

Sabtu

chủ nhật

Minggu

Ngày mai là thứ bảy

Besok hari Sabtu

cuộc đời

kehidupan

đàn bà

wanita

đàn ông

pria

tình yêu

cinta

bạn trai

pacar laki-laki

bạn gái

pacar perempuan

bạn
đanh từ

teman

hôn
danh từ

ciuman

tình dục

seks

trẻ em

anak

em bé

bayi

con gái
đại cương

anak perempuan

con trai
đại cương

anak laki-laki

mẹ

mama

ba

papa

má
mẹ

ibu

cha

ayah

cha mẹ

orangtua

con trai
gia đình

putra

con gái
gia đình

putri

em gái

adik perempuan

em trai

adik laki-laki

chị gái

kakak perempuan

anh trai

kakak laki-laki

đứng

berdiri

ngồi

duduk

nằm xuống

berbaring

đóng

tutup

mở
cửa

buka

thua

kalah

thắng

menang

chết

mati

sống
động từ

hidup

bật

menyalakan

tắt

mematikan

giết

membunuh

làm bị thương

melukai

chạm

menyentuh

xem

menonton

uống

minum

ăn

makan

đi bộ

berjalan

gặp

bertemu

đặt cược

bertaruh

hôn
động từ

mencium

đi theo

mengikuti

cưới

menikahi

trả lời

menjawab

hỏi

menanyakan

câu hỏi

pertanyaan

công ty

perusahaan

kinh doanh

bisnis

việc làm

pekerjaan

tiền

uang

điện thoại

telepon

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

kantor

dokter

rumah sakit

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

perawat

polisi

presiden

màu trắng

màu đen

màu đỏ

putih

hitam

merah

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

biru

hijau

kuning

chậm

nhanh

vui vẻ

lambat

cepat

lucu

không công bằng

công bằng

khó

tidak adil

adil

sulit

dễ

Cái này khó

giàu

mudah

Ini sulit

kaya

nghèo

khỏe

yếu

miskin

kuat

lemah

an toàn

mệt mỏi

tự hào

aman

lelah

bangga

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

kenyang

sakit

sehat

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

marah

rendah

tinggi

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

lurus

setiap

selalu

thực ra

sebenarnya

lần nữa

lagi

đã

sudah

ít hơn

kurang

phần lớn

paling

nhiều hơn

lebih

Tôi muốn nhiều hơn

Saya mau lagi

không có

tidak ada

rất

sangat

động vật

hewan

con lợn

babi

con bò

sapi

con ngựa

kuda

con chó

anjing

con cừu

domba

con khỉ

monyet

con mèo

kucing

con gấu

beruang

con gà

ayam

con vịt

bebek

con bướm

kupu-kupu

con ong

lebah

con cá

ikan

con nhện

laba-laba

con rắn

ở ngoài

ở trong

ular

di luar

di dalam

xa

gần

bên dưới

jauh

dekat

di bawah

bên trên

bên cạnh

phía trước

di atas

di sebelah

depan

phía sau

ngọt

chua

belakang

manis

asam

lạ

aneh

mềm

lembut

cứng

keras

đáng yêu

imut

ngu ngốc

bodoh

điên khùng

gila

bận rộn

sibuk

cao
người

tinggi

thấp
người

pendek

lo lắng

cemas

ngạc nhiên

terkejut

ngầu

keren

cư xử tốt

berperilaku baik

ác độc

jahat

khéo léo

pintar

lạnh

dingin

nóng

panas

đầu

kepala

mũi

hidung

tóc

rambut

miệng

mulut

tai

telinga

mắt

mata

bàn tay

tangan

bàn chân

kaki

tim

jantung

não

otak

kéo

menarik

đẩy

mendorong

ấn

menekan

đánh

memukul

bắt

menangkap

chiến đấu

berkelahi

ném

melempar

chạy
động từ

berlari

đọc

membaca

viết

menulis

sửa chữa

memperbaiki

đếm

menghitung

cắt

memotong

bán

menjual

mua

membeli

trả

membayar

học

belajar

mơ

bermimpi

ngủ

tidur

chơi

bermain

ăn mừng

merayakan

nghỉ ngơi

beristirahat

thưởng thức

menikmati

dọn dẹp

membersihkan

trường học

sekolah

nhà ở

rumah

cửa

pintu

chồng

suami

vợ

istri

đám cưới

pernikahan

người

orang

xe hơi

mobil

nhà

rumah

thành phố

số

hai mươi mốt

kota

angka

21

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

22

26

30

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

31

33

37

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

40

41

44

bốn mươi tám

48

năm mươi

50

năm mươi mốt

51

năm mươi lăm

55

năm mươi chín

59

sáu mươi

60

sáu mươi mốt

61

sáu mươi hai

62

sáu mươi sáu

66

bảy mươi

70

bảy mươi mốt

71

bảy mươi ba

73

bảy mươi bảy

77

tám mươi

80

tám mươi mốt

81

tám mươi bốn

84

tám mươi tám

88

chín mươi

90

chín mươi mốt

91

chín mươi lăm

95

chín mươi chín

99

một trăm

100

một nghìn

1000

mười nghìn

10.000

một trăm nghìn

100.000

một triệu

1.000.000

con chó của tôi

anjingku

con mèo của bạn

kucingmu

váy của cô ấy

gaunnya

xe của anh ấy

mobilnya

quả bóng của nó

bolanya

nhà của chúng tôi

rumah kami

đội của bạn

tim kalian

công ty của họ

perusahaan mereka

mọi người

semua orang

cùng nhau

bersama-sama

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

lain

tidak masalah

mari bersulang

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

santai

saya setuju

selamat datang

không phải lo

phải

phải

jangan pikirkan

belok kanan

belok kiri

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trứng

jalan lurus

Ikuti saya

telur

phô mai

sữa

cá

keju

susu

ikan

thịt

rau

trái cây

daging

sayur

buah

xương
món ăn

dầu

bánh mì

tulang

minyak

roti

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

gula

coklat

permen

bánh bông lan

kue

đồ uống

minuman

nước

air

nước soda

soda

cà phê

kopi

trà

teh

bia

bir

rượu nho

anggur

sa lát

salad

súp

sup

món tráng miệng

makanan penutup

bữa ăn sáng

sarapan

bữa trưa

makan siang

bữa tối

makan malam

pizza

pizza

xe buýt

bis

xe lửa

kereta

ga xe lửa

stasiun kereta

trạm dừng xe buýt

halte bis

máy bay

pesawat

tàu

kapal

xe tải

truk

xe đạp

sepeda

xe mô tô

sepeda motor

xe taxi

taksi

đèn giao thông

lampu lalu lintas

bãi đậu xe

parkir mobil

đường
xe hơi

jalan

quần áo

pakaian

giày dép

sepatu

áo choàng

mantel

áo len

sweater

áo sơ mi

kemeja

áo khoác

jaket

áo phục

jas

quần dài

celana

đầm

áo phông

bít tất

gaun

kaos

kaus kaki

áo ngực

quần lót

kính

BH

celana dalam

kacamata

túi xách

ví tiền

ví

tas tangan

tas

dompet

nhẫn

mũ

đồng hồ đeo tay

cincin

topi

jam tangan

túi

saku

Bạn tên gì?

Siapa namamu?

Tên của tôi là David

Nama saya David

Tôi 22 tuổi

Saya berusia 22 tahun

Bạn có khỏe không?

Apa kabar?

Bạn có ổn không?

Apa kamu baik-baik saja?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Dimana toiletnya?

Tôi nhớ bạn

Saya merindukanmu

mùa xuân

musim semi

mùa hè

musim panas

mùa thu

musim gugur

mùa đông

musim dingin

tháng một

Januari

tháng hai

Februari

tháng ba

Maret

tháng tư

April

tháng năm

Mei

tháng sáu

Juni

tháng bảy

Juli

tháng tám

Agustus

tháng chín

September

tháng mười

Oktober

tháng mười một

November

tháng mười hai

Desember

mua sắm

hóa đơn

chợ

berbelanja

tagihan

pasar

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

supermarket

bangunan

apartemen

trường đại học

nông trại

nhà thờ

universitas

peternakan

gereja

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

restoran

bar

gym

công viên

taman

nhà vệ sinh
đại cương

toilet

bản đồ

peta

xe cứu thương

ambulans

cảnh sát
đại cương

polisi

súng

pistol

lính cứu hỏa
đại cương

pemadam kebakaran

quốc gia

negara

ngoại ô

pinggiran kota

ngôi làng

desa

sức khỏe

kesehatan

dược phẩm

obat

tai nạn

kecelakaan

bệnh nhân

pasien

phẫu thuật

operasi

viên thuốc

pil

sốt

demam

cảm lạnh

pilek

vết thương

luka

cuộc hẹn

janji

ho

batuk

cổ

leher

mông

pantat

vai

bahu

đầu gối

chân

tay

lutut

kaki

lengan

bụng

ngực

lưng

perut

payudara

punggung

răng

lưỡi

môi

gigi

lidah

bibir

ngón tay

ngón chân

dạ dày

jari

jari kaki

perut

phổi

paru-paru

gan

hati

dây thần kinh

saraf

thận

ginjal

ruột

usus

màu sắc

warna

màu cam

jingga

màu xám

abu-abu

màu nâu

coklat

màu hồng

merah muda

nhàm chán

membosankan

nặng

berat

nhẹ

cô đơn

đói bụng

ringan

kesepeian

lapar

khát nước

buồn

dốc

haus

sedih

curam

bằng phẳng

tròn

vuông

datar

bulat

persegi

hẹp

rộng

sâu

sempit

luas

dalam

nông

dangkal

lớn
rất

besar sekali

bắc

utara

đông

timur

nam

selatan

tây

barat

bẩn

kotor

sạch sẽ

bersih

đầy

penuh

trống rỗng

kosong

đắt

mahal

rẻ

murah

tối

sáng

quyến rũ

gelap

terang

seksi

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

malas

berani

dermawan

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

tampan

jelek

konyol

thân thiện

tội lỗi

mù

ramah

bersalah

buta

say

mabuk

ướt

basah

khô

kering

ấm áp

hangat

ồn ào

bising

yên tĩnh

sepi

im lặng

sunyi

nhà bếp

dapur

phòng tắm

kamar mandi

phòng khách

ruang tamu

phòng ngủ

kamar tidur

vườn

taman

gara

garasi

tường

dinding

tầng hầm

ruang bawah tanah

nhà vệ sinh
nhà ở

toilet

cầu thang

tangga

mái nhà

atap

cửa sổ
tòa nhà

jendela

dao

pisau

tách

cangkir

ly

gelas

đĩa

piring

cốc

gelas

thùng rác

tempat sampah

tô

mangkuk

bộ tivi

set TV

bàn
văn phòng

meja tulis

giường

ranjang

gương

cermin

vòi hoa sen

pancuran mandi

ghế sofa

sofa

ảnh

gambar

đồng hồ

jam

bàn
nhà

meja

ghế
nhà

kursi

hồ bơi
vườn

kolam renang

chuông

bel

hàng xóm

tetangga

thất bại

gagal

chọn

memilih

bắn

menembak

bình chọn

memilih

rơi xuống

jatuh

bảo vệ

mempertahankan

tấn công

menyerang

trộm

mencuri

đốt

membakar

cứu

menyelamatkan

hút thuốc

merokok

bay

terbang

mang theo

membawa

khắc nhổ

meludah

đá
động từ

menendang

cắn

menggigit

thở

bernafas

ngửi

mencium

khóc

menangis

hát

bernyanyi

cười mỉm

tersenyum

cười

tertawa

lớn lên

tumbuh

co lại

menyusut

tranh luận

bertengkar

đa dạng

mengancam

chia sẻ

berbagi

cho ăn

memberi makan

trốn

bersembunyi

cảnh báo

memperingatkan

bơi

berenang

nhảy

melompat

lăn

berguling

nâng

mengangkat

đào

menggali

sao chép

menyalin

giao hàng

mengantarkan

tìm kiếm

mencari

luyện tập

berlatih

đi du lịch

bepergian

vẽ

melukis

tắm vòi sen

mandi

mở
khóa

membuka

khóa

mengunci

rửa

mencuci

cầu nguyện

berdoa

nấu ăn

memasak

sách

buku

thư viện

perpustakaan

bài tập về nhà

pekerjaan rumah

bài thi

ujian

bài học

pelajaran

khoa học

ilmu

lịch sử

sejarah

nghệ thuật

seni

tiếng Anh

bahasa Inggris

tiếng Pháp

bahasa Perancis

cây bút

pena

bút chì

pensil

ba phần trăm

3%

thứ nhất

pertama

thứ hai
2

kedua

thứ ba
3

ketiga

thứ tư
4

keempat

kết quả

hasil

hình vuông

persegi

hình tròn

lingkaran

diện tích

luas permukaan

nguyên cứu

penelitian

bằng cấp

gelar

cử nhân

sarjana

thạc sĩ

master

x nhỏ hơn y

$x < y$

x lớn hơn y

$x > y$

áp lực

stres

bảo hiểm

asuransi

nhân viên
công ty

staf

bộ phận

departemen

lương

gaji

địa chỉ

alamat

lá thư

surat

thuyền trưởng

kapten

thám tử

detektif

phi công

pilot

giáo sư

profesor

giáo viên

guru

luật sư

pengacara

thư ký

sekretaris

trợ lý

asisten

thẩm phán

hakim

giám đốc

direktur

quản lý

manajer

đầu bếp

koki

tài xế taxi

supir taksi

tài xế xe buýt

supir bis

tội phạm

kriminal

người mẫu

model

nghệ sĩ

artis

số điện thoại

nomor telepon

tín hiệu

sinyal

ứng dụng

aplikasi

trò chuyện

obrolan

tập tin

file

url

url

địa chỉ email

alamat surel

trang mạng

situs web

thư điện tử

surel

điện thoại di động

telepon genggam

pháp luật

hukum

nhà tù

penjara

chứng cứ

bukti

tiền phạt

denda

nhân chứng

saksi

tòa án

pengadilan

chữ ký

tanda tangan

thua lỗ

rugi

lợi nhuận

laba

khách hàng

pelanggan

số tiền

jumlah

thẻ tín dụng

kartu kredit

mật khẩu

kata sandi

máy rút tiền

mesin ATM

bể bơi

kolam renang

điện

listrik

máy ảnh

kamera

đài radio

radio

quà tặng

hadiah

cái chai

botol

cái túi

tas

chìa khóa

kunci

búp bê

boneka

thiên thần

malaikat

lược

sisir

kem đánh răng

pasta gigi

bàn chải đánh răng

sikat gigi

dầu gội

sampo

kem thoa

krim

khăn giấy

tisu

son môi

lipstik

truyền hình

televisi

rạp chiếu phim

bioskop

tin tức

berita

ghế
rạp chiếu phim

kursi

vé

tiket

màn chiếu

layar

âm nhạc

musik

sân khấu

panggung

khán giả

penonton

hội họa

lukisan

trò đùa

lelucon

bài báo

artikel

báo chí

koran

tạp chí

majalah

quảng cáo

iklan

thiên nhiên

alam

tro

abu

lửa

api

kim cương

berlian

mặt trăng

bulan

Trái Đất

bumi

mặt trời

matahari

ngôi sao

bintang

hành tinh

planet

vũ trụ

alam semesta

bờ biển
biển

pesisir

hồ

danau

rừng

hutan

sa mạc

gurun

đôi núi

bukit

đá
danh từ

batu

con sông

sungai

thung lũng

lembah

núi

gunung

đảo

pulau

đại dương

samudera

biển

laut

thời tiết

cuaca

băng

es

tuyết

salju

bão táp

badai

mưa

hujan

gió

angin

thực vật

tanaman

cây

pohon

cỏ

rumput

hoa hồng

mawar

hoa

bunga

chất khí

gas

kim loại

logam

vàng

emas

bạc

perak

Bạc rẻ hơn vàng

Perak lebih murah
dibandingkan emas

Vàng đắt hơn bạc

Emas lebih mahal
dibandingkan perak

ngày lễ

liburan

thành viên
người

anggota

khách sạn

hotel

bờ biển
cát

pantai

khách

tamu

sinh nhật

ulang tahun

Giáng sinh

Natal

Năm Mới

Tahun baru

Lễ Phục sinh

Paskah

chú

paman

cô

bibi

bà nội

nenek

ông nội

kakek

bà ngoại

nenek

ông ngoại

kakek

tử vong

kematian

phần mộ

makam

ly hôn

perceraian

cô dâu

mempelai wanita

chú rể

mempelai pria

một trăm linh một

101

một trăm linh năm

105

một trăm mười

110

một trăm năm mươi mốt

151

hai trăm

200

hai trăm linh hai

202

hai trăm linh sáu

206

hai trăm hai mươi

220

hai trăm sáu mươi hai

262

ba trăm

300

ba trăm linh ba

303

ba trăm linh bảy

307

ba trăm ba mươi

330

ba trăm bảy mươi ba

373

bốn trăm

400

bốn trăm linh bốn

404

bốn trăm linh tám

408

bốn trăm bốn mươi

440

bốn trăm tám mươi bốn

484

năm trăm

500

năm trăm linh năm

505

năm trăm linh chín

509

năm trăm năm mươi

550

năm trăm chín mươi lăm

595

sáu trăm

600

sáu trăm linh một

601

sáu trăm linh sáu

606

sáu trăm mười sáu

616

sáu trăm sáu mươi

660

bảy trăm

700

bảy trăm linh hai

702

bảy trăm linh bảy

707

bảy trăm hai mươi bảy

727

bảy trăm bảy mươi

770

tám trăm

800

tám trăm linh ba

803

tám trăm linh tám

808

tám trăm ba mươi tám

838

tám trăm tám mươi

880

chín trăm

900

chín trăm linh bốn

904

chín trăm linh chín

909

chín trăm bốn mươi chín

949

chín trăm chín mươi

990

con hổ

harimau

con chuột

tikus

con chuột cống

tikus besar

con thỏ

kelinci

con sư tử

singa

con lừa

keledai

con voi

gajah

con chim

burung

con gà trống choai

ayam jago

con chim bồ câu

merpati

con ngỗng

angsa

côn trùng

serangga

con bọ

kumbang

con muỗi

nyamuk

con ruồi

lalat

con kiến

semut

con cá voi

paus

con cá mập

hiu

con cá heo

lumba-lumba

con ốc sên

siput

con ếch

katak

thường xuyên

sering

ngay lập tức

segera

đột ngột

tiba-tiba

mặc dù

walaupun

thể dục dụng cụ

senam

quần vợt

tenis

chạy
đanh từ

lari

đạp xe

bersepeda

đánh golf

golf

trượt băng

seluncur es

bóng đá

sepak bola

bóng rổ

bola basket

bơi lội

renang

lặn

menyelam

đi bộ đường dài

mendaki

Vương quốc Anh

Inggris Raya

Tây Ban Nha

Spanyol

Thụy sĩ

Swiss

Ý

Italia

Pháp

Perancis

Đức

Jerman

Thái Lan

Thailand

Singapore

Singapura

Nga

Rusia

Nhật Bản

Jepang

Israel

Israel

Ấn Độ

India

Trung Quốc

Cina

Hoa Kỳ

Amerika Serikat

Mexico

Meksiko

Canada

Kanada

Chile

Brazil

Argentina

Chili

Brasil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Afrika Selatan

Nigeria

Maroko

Libya

Kenya

Algeria

Libya

Kenya

Aljazair

Ai Cập

New Zealand

Úc

Mesir

Selandia Baru

Australia

Châu Phi

Afrika

Châu Âu

Eropa

Châu Á

Asia

Châu Mỹ

Amerika

mười lăm phút

seperempat jam

nửa tiếng

setengah jam

bốn mươi lăm phút

tiga perempat jam

một giờ

1:00

hai giờ năm phút

2:05

ba giờ mười phút

3:10

bốn giờ mười lăm

4:15

năm giờ hai mươi

5:20

sáu giờ hai mươi năm

6:25

bảy giờ rưỡi

7:30

tám giờ ba mươi lăm

8:35

mười giờ kém hai mươi

9:40

mười một giờ kém mười năm

10:45

mười hai giờ kém mười

11:50

một giờ kém năm

12:55

một giờ sáng

jam satu pagi

hai giờ chiều

jam dua siang

tuần trước

minggu lalu

tuần này

minggu ini

tuần sau

minggu depan

năm ngoái

năm nay

năm sau

tahun lalu

tahun ini

tahun depan

tháng trước

tháng này

tháng sau

bulan lalu

bulan ini

bulan depan

ngày một tháng một năm hai
nghìn mười bốn

ngày hai mươi lăm tháng hai
năm hai nghìn linh ba

ngày mười hai tháng tư năm
một nghìn chín trăm tám
mười tám

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

ngày mười ba tháng mười
năm một nghìn tám trăm
chín mươi chín

ngày ba mươi tháng chín
năm một nghìn chín trăm
linh bảy

ngày mười hai tháng mười
hai năm hai nghìn

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

trán

dahi

nếp nhăn

keriput

cằm

dagu

má
cơ thể

pipi

râu

jenggot

lông mi

bulu mata

lông mày

alis

eo

pinggang

gáy

tengkuk

lồng ngực

dada

ngón cái

ibu jari

ngón tay út

jari kelingking

ngón tay đeo nhẫn

jari manis

ngón tay giữa

jari tengah

ngón tay trỏ

jari telunjuk

cổ tay

pergelangan tangan

móng tay

kuku tangan

gót chân

tumit

xương sống

tulang belakang

cơ bắp

otot

xương
cơ thể

tulang

bộ xương

kerangka

xương sườn

tulang rusuk

đốt sống

vertebra

bàng quang

kandung kemih

tĩnh mạch

vena

động mạch

arteri

âm đạo

vagina

tinh trùng

sperma

dương vật

penis

tinh hoàn

testis

mọng nước

berair

cay

pedas

mặn

asin

sống
tính từ

mentah

luộc

rebus

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

pemalu

rakus

ketat

điéc

tuli